

Số: 177 / QĐ - THBM

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2735/QĐ-SGDĐT ngày 23/10/2025 về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2025 của trường Tiểu học Bình Minh (Theo các biểu mẫu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng kế hoạch tài chính và các bộ phận liên quan thuộc Trường Tiểu học Bình Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi Nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Hoan

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Quyết định số 177/QĐ- THBM ngày 30/10/2025 của trường Tiểu học Bình Minh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.460.874
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.460.874
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.460.874
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.460.874
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	